

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN - BỘ Y TẾ

**BỘ TÀI CHÍNH - BỘ NÔNG
NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN - BỘ Y TẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 98/2010/TTLT-BTC-
BNNPTNT-BYT

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2010

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn thực hiện cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến người
nộp thuế, quản lý nhà nước về hải quan, nông nghiệp và y tế**

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế; Nghị định số 22/2010/NĐ-CP ngày 09/3/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 3, Nghị định số 188/2007/NĐ-CP ngày 27/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế,

Liên Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện việc cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến người nộp thuế, quản lý nhà nước về hải quan, nông nghiệp và y tế như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng: Thông tư này hướng dẫn việc cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến người nộp thuế, quản lý nhà nước về hải quan, nông nghiệp và y tế giữa Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thuế - sau đây gọi tắt là cơ quan Quản lý thuế);

b) Các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế;

c) Các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế tỉnh, thành phố.

Điều 2. Nguyên tắc trao đổi, cung cấp, sử dụng thông tin

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của các Bộ.

2. Các thông tin được cung cấp và trao đổi phải đầy đủ, chính xác, kịp thời.

3. Thông tin cung cấp và trao đổi phải được sử dụng đúng mục đích phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan tiếp nhận và trao đổi; nghiêm cấm cung cấp thông tin cho các cá nhân, tổ chức khác.

4. Đối với thông tin thuộc danh mục bí mật Nhà nước: thực hiện theo Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước ngày 28/12/2000; Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28/3/2002 của Chính phủ quy định chi tiết Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước và các Quyết định về bảo vệ bí mật Nhà nước thuộc quản lý chuyên ngành của các Bộ.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ quan Quản lý thuế cung cấp các thông tin sau

1. Văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực hoạt động của cơ quan Quản lý thuế liên quan đến quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Y tế.

2. Thông tin về chính sách thuế, các văn bản hướng dẫn thuế.

3. Các thông tin định danh về người nộp thuế từ hệ thống đăng ký thuế (mã số thuế, địa điểm đăng ký, kê khai nộp thuế, tình hình hoạt động của người nộp thuế).

4. Các thông tin vi phạm pháp luật thuế của người nộp thuế (theo quy định tại Điều 35 - Chương II - Nghị định số 85/2007/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế: Công khai thông tin về người nộp thuế).

5. Thông tin về hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế, thông tin liên quan đến hoạt động Quản lý thuế, cụ thể đối với thông tin thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành cung cấp cho:

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Lĩnh vực trồng trọt: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu giống cây trồng (Phụ lục 1A TC-NN). Tổ chức, cá nhân xuất khẩu giống cây trồng (Phụ lục 1B TC-NN). Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phân bón (Phụ lục 1C TC-NN). Tổ chức, cá nhân xuất khẩu phân bón (Phụ lục 1D TC-NN).

Lĩnh vực chăn nuôi: Thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi nhập khẩu (Phụ lục 2A TC-NN). Thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi xuất khẩu (Phụ lục 2B TC-NN). Giống vật nuôi nhập khẩu (Phụ lục 2C TC-NN).

Lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật: Thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu (Phụ lục 3A TC-NN, 3B TC-NN). Thuốc bảo vệ thực vật xuất khẩu (Phụ lục 3C TC-NN). Thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng, nhập khẩu theo giấy phép (Phụ lục 3D TC-NN). Thuốc bảo vệ thực vật chưa có trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam, nhập khẩu theo giấy phép (Phụ lục 3E TC-NN). Thuốc bảo vệ thực vật tái xuất (Phụ lục 3F TC-NN). Thực vật nhập khẩu (Phụ lục 3G TC-NN). Thực vật xuất khẩu (Phụ lục 3H TC-NN). Thực vật và sản phẩm thực vật nhập khẩu theo giấy phép (Phụ lục 3I TC-NN).

Lĩnh vực lâm nghiệp: Các sản phẩm lâm nghiệp nhập khẩu (Phụ lục 4A TC-NN). Các sản phẩm lâm nghiệp xuất khẩu (Phụ lục 4B TC-NN). Động vật hoang dã và gầy nuôi nhập khẩu (Phụ lục 4C TC-NN). Động vật hoang dã và gầy nuôi xuất khẩu (Phụ lục 4D TC-NN).

Lĩnh vực thương mại nông, lâm, thủy sản và muối: Các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối nhập khẩu (Phụ lục 4E TC-NN). Các sản phẩm nông, lâm, thủy sản và muối xuất khẩu (Phụ lục 4G TC-NN).

b) Bộ Y tế:

Lĩnh vực nhập khẩu, xuất khẩu thuốc bao gồm vacxin và sinh phẩm y tế: Thông tin thuốc có số đăng ký nhập khẩu (Phụ lục 1A TC-YT). Thông tin thuốc chưa có số đăng ký nhập khẩu (Phụ lục 1B TC - YT). Thông tin thuốc nhập khẩu khẩn cấp cho nhu cầu phòng chống dịch, thiên tai (Phụ lục 1C TC-YT). Thông tin thuốc nhập khẩu phục vụ cho chương trình mục tiêu quốc gia (Phụ lục 1D TC-YT). Thông tin thuốc nhập khẩu viện trợ và viện trợ nhân đạo (Phụ lục 1E TC-YT). Thông tin thuốc giả nhập khẩu (Phụ lục 1G TC-YT). Thông tin thuốc không rõ nguồn gốc nhập khẩu (Phụ lục 1H TC-YT). Thông tin thuốc không đạt chất lượng nhập khẩu (Phụ lục 1I TC-YT). Thông tin thuốc xuất khẩu (Phụ lục 1K TC-YT). Thông tin nguyên liệu làm thuốc nhập khẩu (Phụ lục 1L TC-YT). Thông tin bao bì, tá dược làm thuốc nhập khẩu (Phụ lục 1M TC-YT).

Thuốc gây nghiện, hướng tâm thần và tiền chất làm thuốc: Thông tin thuốc thành phẩm nhập khẩu có chứa chất gây nghiện hoặc thuốc hướng tâm thần, tiền chất dùng làm thuốc (Phụ lục 2A TC-YT). Thông tin thuốc thành phẩm xuất khẩu có chứa chất gây nghiện hoặc thuốc hướng tâm thần, tiền chất dùng làm thuốc (Phụ lục 2B TC-YT). Thông tin nguyên liệu thuốc gây nghiện hoặc hướng tâm thần, tiền chất dùng làm thuốc nhập khẩu (Phụ lục 2C TC-YT).

Lĩnh vực nhập khẩu hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế gồm: hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn có giấy chứng nhận đăng ký lưu hành nhập khẩu (Phụ lục 3A TC-YT). Hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn chưa có giấy chứng nhận đăng ký lưu hành nhập khẩu nhằm mục đích khảo nghiệm, kiểm nghiệm; dùng để làm nguyên liệu sản xuất ra các hóa chất, chế phẩm đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành; dùng cho mục đích đặc thù mà không kinh doanh (Phụ lục 3B TC-YT).

Thông tin về mỹ phẩm nhập khẩu, xuất khẩu (Phụ lục 4A TC-YT, 4B TC-YT).

Thông tin về dược liệu, thuốc từ dược liệu, thuốc đông y nhập khẩu, xuất khẩu (Phụ lục 7A TC-YT, 7B TC-YT)

6. Thông tin về tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu các loại hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế.

a) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Thông tin về doanh nghiệp nhập khẩu hàng thực vật (Phụ lục 5A TC-NN). Thông tin về doanh nghiệp xuất khẩu hàng thực vật (Phụ lục 5B TC-NN). Thông tin về doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm nông lâm thủy sản (Phụ lục 5C TC-NN), Thông tin về doanh nghiệp xuất khẩu sản phẩm nông lâm thủy sản (Phụ lục 5D TC-NN);

b) Bộ Y tế: Thông tin về tổ chức, cá nhân nhập khẩu dược phẩm; thiết bị y tế; hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế (Phụ lục 5 TC-YT).

7. Thông tin vi phạm pháp luật Thuế, Hải quan:

a) Danh sách tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế bị xử lý vi phạm về Hải quan (Phụ lục 6A TC-YT);

b) Danh sách tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế bị xử lý vi phạm về thuế (Phụ lục 6B TC-YT);

c) Danh sách tổ chức, cá nhân nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bị xử lý vi phạm về Hải quan.

8. Các thông tin khác khi có yêu cầu cụ thể, được hai Bộ thống nhất.

Điều 4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp các thông tin sau

1. Văn bản pháp luật và hướng dẫn về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Danh sách các dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi miễn thuế nhập khẩu.

3. Cung cấp các văn bản quy định về việc xác định nguồn gốc đối với hàng hóa có nguồn gốc lâm nghiệp như: gỗ tròn, các sản phẩm từ gỗ rừng trồng..., các loại phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

4. Thông tin về cấp giấy phép, công văn cho xuất khẩu, nhập khẩu:

a) Giống cây trồng (Phụ lục 1 NN-TC);

b) Phân bón (Phụ lục 2 NN-TC);

c) Thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi chưa có trong danh mục (Phụ lục 3 NN-TC);

d) Giống vật nuôi (Phụ lục 4 NN-TC);

đ) Thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng (Phụ lục 5A NN-TC);

e) Thuốc bảo vệ thực vật chưa có trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam (Phụ lục 5B NN-TC);

g) Danh sách doanh nghiệp được phép chế biến thủy sản xuất khẩu sang một số thị trường (Phụ lục 5C NN-TC);

h) Sản phẩm lâm nghiệp nhập khẩu có giấy phép thuộc danh mục CITES, Nghị định số 32/2006/NĐ-CP (Phụ lục 6A NN-TC);

i) Sản phẩm lâm nghiệp xuất khẩu có giấy phép thuộc danh mục CITES, Nghị định số 32/2006/NĐ-CP (Phụ lục 6B NN-TC).

5. Thông tin về tổ chức, cá nhân hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu đã bị xử lý vi phạm trong lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Tổ chức, cá nhân xuất nhập khẩu, bị xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch, kinh doanh thực vật (Phụ lục 7A NN-TC);

b) Tổ chức, cá nhân xuất nhập khẩu, bị xử lý vi phạm trong lĩnh vực thú y (Phụ lục 7B NN-TC);

c) Tổ chức, cá nhân vi phạm trong xuất, nhập khẩu động vật, thực vật hoang dã (Phụ lục 7C NN-TC).

6. Thông tin về người nộp thuế vi phạm pháp luật về nông nghiệp, lâm nghiệp.

7. Thông tin về các cá nhân đủ điều kiện hành nghề buôn bán, sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật.

8. Các thông tin khác khi có yêu cầu cụ thể, được hai Bộ thống nhất.

Điều 5. Bộ Y tế cung cấp cho cơ quan Quản lý thuế các thông tin sau

1. Văn bản pháp luật và hướng dẫn về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế.

2. Danh mục thuốc đã được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam (Phụ lục 1A YT-TC).

3. Danh mục thuốc nhập khẩu đã được cấp giấy phép nhập khẩu (Phụ lục 1B YT-TC).

4. Danh mục thuốc đã được cấp số đăng ký lưu hành tại Việt Nam, khi xuất nhập khẩu yêu cầu có giấy phép của Cục Quản lý Dược (Phụ lục 1C YT-TC).

5. Danh mục thuốc được cấp giấy phép nhập khẩu khẩn cấp cho nhu cầu phòng chống dịch, thiên tai (Phụ lục 1D YT-TC).

6. Danh mục thuốc được cấp giấy phép nhập khẩu phục vụ cho các chương trình mục tiêu quốc gia (Phụ lục 1E YT-TC).

7. Danh mục thuốc nhập khẩu viện trợ và viện trợ nhân đạo (Phụ lục 1G YT-TC).

8. Danh mục thuốc nhập khẩu không rõ nguồn gốc do cơ quan Y tế phát hiện (Phụ lục 1H YT-TC).

9. Danh mục thuốc nhập khẩu không đạt chất lượng do cơ quan Y tế phát hiện (Phụ lục 1I YT-TC).

10. Danh mục thuốc cấm nhập khẩu theo đường phi mậu dịch (Phụ lục 1K YT-TC).

11. Danh mục thuốc bị rút sổ đăng ký lưu hành (Phụ lục 1L YT-TC).

12. Danh mục dược liệu không rõ nguồn gốc cơ quan Y tế phát hiện (Phụ lục 2A YT-TC).

13. Danh mục dược liệu không đạt chất lượng do cơ quan Y tế phát hiện (Phụ lục 2B YT-TC).

14. Thông tin về hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế có giấy chứng nhận đăng ký lưu hành (Phụ lục 3A YT-TC).

15. Thông tin về hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế chưa có giấy chứng nhận đăng ký lưu hành nhập khẩu nhằm mục đích: khảo nghiệm, kiểm nghiệm; dùng để làm nguyên liệu sản xuất ra các hóa chất, chế phẩm đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành; dùng cho mục đích đặc thù mà không kinh doanh (Phụ lục 3B YT-TC).

16. Danh sách tổ chức, cá nhân hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, đã bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý của Bộ Y Tế (Phụ lục 04 YT-TC).

17. Danh sách cơ sở nhập khẩu thuốc và nguyên liệu làm thuốc (Phụ lục 5A YT-TC).

18. Danh sách cơ sở sản xuất thuốc (Phụ lục 5B YT-TC).

19. Danh sách doanh nghiệp nước ngoài hoạt động về thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại Việt Nam (Phụ lục 5C YT-TC).

20. Các thông tin khác khi có yêu cầu cụ thể, được hai Bộ thống nhất.

Điều 6. Hình thức, thời gian cung cấp, trao đổi thông tin

1. Hình thức cung cấp, trao đổi thông tin

a) Thông tin cung cấp và trao đổi dưới dạng văn bản hoặc dữ liệu điện tử;

b) Giao các đơn vị chuyên môn của các Bộ làm việc thống nhất phương án triển khai hệ thống mạng, chương trình phần mềm, cơ sở dữ liệu để kết nối trực tuyến với nhau và từng bước ứng dụng đồng bộ công tác trao đổi, cung cấp thông tin qua mạng.

2. Thời gian cung cấp, trao đổi thông tin

a) Cung cấp, trao đổi thông tin định kỳ hàng tháng hoặc quý đối với các nội dung quy định tại Mục II Thông tư này. Các đơn vị đầu mối thuộc các Bộ thống nhất với nhau cụ thể về hình thức, thời gian, nội dung cung cấp và trao đổi thông tin;

b) Cung cấp, trao đổi thông tin đột xuất: khi có yêu cầu cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra, điều tra và xác minh vụ việc vi phạm thì thủ trưởng đơn vị thụ lý có quyền yêu cầu cơ quan cùng cấp cung cấp thông tin bằng văn bản hoặc trả lời trực tiếp. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu (trường hợp phức tạp thì không quá 10 ngày), đơn vị nhận được yêu cầu có trách nhiệm:

Trả lời bằng văn bản các nội dung thông tin được yêu cầu; hoặc đại diện đơn vị nhận yêu cầu có mặt tại địa điểm và thời gian theo thỏa thuận để cung cấp thông tin được yêu cầu.

Trường hợp không cung cấp được thông tin, không quá 10 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu) đơn vị nhận được yêu cầu phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do không cung cấp.

Chi phí sao chụp tài liệu liên quan và chi phí đi lại, ăn ở do đơn vị yêu cầu chi trả hoặc hai bên thống nhất.

Điều 7. Thẩm quyền yêu cầu, phê duyệt cung cấp và trao đổi thông tin

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế hoặc Phó tổng cục trưởng được ủy quyền.

2. Thủ trưởng hoặc cấp phó được ủy quyền của các đơn vị đầu mối được quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các bên

1. Các Bộ có trách nhiệm tổ chức thực hiện và chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc thực hiện Thông tư này.

2. Giao cho cơ quan thuộc các Bộ làm đầu mối trao đổi, cung cấp thông tin gồm:

a) Bộ Tài chính: Cục Điều tra chống buôn lậu thuộc Tổng cục Hải quan; Cục Công Nghệ Thông tin và Thống kê Hải quan; Thanh tra Thuế thuộc Tổng cục Thuế;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Cục Chế biến, Thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối; Cục Chăn nuôi; Cục Trồng trọt; Cục Bảo vệ thực vật; Cục Thú y; Tổng cục Lâm nghiệp; Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản;

c) Bộ Y tế: Cục quản lý Dược; Cục An toàn vệ sinh thực phẩm; Cục Quản lý môi trường Y tế; Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế; Thanh tra Bộ Y tế; Cục Quản lý khám chữa bệnh; Vụ Y dược cổ truyền.

3. Các Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Hải quan, Cục thuế tỉnh, thành phố theo phân cấp quản lý thực hiện cung cấp và trao đổi thông tin với nhau; cung cấp thông tin cho các đầu mối tại khoản 2 Điều này khi có yêu cầu.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị tại khoản 2, khoản 3 - Điều 8 có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

3. Kinh phí phục vụ việc cung cấp và trao đổi thông tin theo nội dung của Thông tư này được thực hiện trên cơ sở dự toán kinh phí hàng năm được phê duyệt cho các bộ, ngành và địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

4. Cá nhân, tổ chức thực hiện tốt các quy định về cung cấp, trao đổi thông tin hải quan và thông tin liên quan đến người nộp thuế được khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước. Nếu vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị xử lý theo các quy định hiện hành.

5. Mọi phát sinh, vướng mắc trong quá trình phối hợp cung cấp và trao đổi thông tin phải báo cáo cấp trên trực tiếp biết để phối hợp giải quyết kịp thời. Trường hợp không giải quyết được thì báo cáo về Bộ tài chính và Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Bộ Y tế để nghiên cứu giải quyết và thống nhất xử lý./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ Y TẾ
THỨ TRƯỞNG**

Cao Minh Quang

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
THỨ TRƯỞNG**

Diệp Kinh Tân

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Đơn vị:.....

Phụ lục 01A TC-NN

**THÔNG TIN TỔ CHỨC CÁ NHÂN NHẬP KHẨU
GIỐNG CÂY TRỒNG**
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Cửa khẩu nhập	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu	Địa chỉ, điện thoại, fax	Giấy phép NK (số, ngày) (nếu có)	Giấy kiểm dịch (số, ngày) (nếu có)	Tên giống cây trồng nhập khẩu	Khối lượng nhập khẩu (kg)	Ngày nhập khẩu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 01B TC-NN

**THÔNG TIN TỔ CHỨC CÁ NHÂN XUẤT KHẨU
GIỐNG CÂY TRỒNG**
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Cửa khẩu xuất	Tên tổ chức, cá nhân xuất khẩu	Địa chỉ, điện thoại, fax	Giấy phép XK (số, ngày) (nếu có)	Giấy kiểm dịch (số, ngày) (nếu có)	Tên giống cây trồng xuất khẩu	Khối lượng xuất khẩu (kg)	Ngày xuất khẩu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 01C TC-NN

THÔNG TIN TỔ CHỨC CÁ NHÂN NHẬP KHẨU PHÂN BÓN
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Cửa khẩu nhập	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu	Địa chỉ, điện thoại	Giấy phép nhập khẩu (số, ngày) (nếu có)	Tên, loại phân bón nhập khẩu	Khối lượng nhập khẩu (kg/lít tấn)	Ngày nhập khẩu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 01D TC-NN

THÔNG TIN TỔ CHỨC CÁ NHÂN XUẤT KHẨU PHÂN BÓN
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Cửa xuất nhập	Tên tổ chức, cá nhân xuất khẩu	Địa chỉ, điện thoại	Giấy phép xuất khẩu (số, ngày) (nếu có)	Tên, loại phân bón xuất khẩu	Khối lượng xuất khẩu (kg/lít tấn)	Ngày xuất khẩu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 02A TC-NN

**THÔNG TIN VỀ THỨC ĂN CHĂN NUÔI, NGUYÊN LIỆU
THỨC ĂN CHĂN NUÔI NHẬP KHẨU**
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

Nội dung thông tin cho từng mặt hàng

Mặt hàng nhập khẩu:

Mã số HS:

STT	Đơn vị nhập khẩu	Ngày nhập khẩu	Cửa khẩu nhập	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Trị giá
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Gồm các mặt hàng sau:

Số TT	Tên nguyên liệu	Mã số HS
1	Ngô	1005.90; 1103.13.00; 1104.19.10
2	Khô đậu tương	2304.00.00; 1208.10.00
3	Các loại khô đậu khác	2305.00.00; 2306.60.00; 2306.41.00; 2306.49.00; 2306.90.90; 2306.30.00; 2306.20.00; 2306.50.00; 2306.10.00; 2306.90.90
4	Đậu tương hạt	1201.00.90; 1208.10.00;
5	Cám gạo các loại	2302.20.00;
6	Mì hạt, bột mì, cám mỳ và một số loại ngũ cốc khác	1001.90.99; 1101.00.10; 2302.30.00; 1002.00.00 1003.00.00; 1004.00.00 1008; 1102.10.00; 1102.90.00; 1103.19; 1103.20.00; 1104.12.00; 1104.19.90; 1104.22.00; 1104.29.90; 2302.40.00

09598685

Số TT	Tên nguyên liệu	Mã số HS
7	Sắn khô	0714.10
8	Nguyên liệu có nguồn gốc thủy sản:	
	- Bột cá;	2301.20.00
	- Bột vỏ sò;	0508.00.90
	- Bột đầu tôm;	2301.20.00
	- Bột phụ phẩm chế biến thủy sản	2301.20.00
9	Nguyên liệu có nguồn gốc động vật:	
	- Bột xương	0506.90.00
	- Bột thịt xương	2301.10.00
	- Bột sữa gầy	0402.10
	- Bột máu	0511.99.90
	- Bột lông vũ	0505.90.90
	- Bột phụ phẩm chế biến thịt	2301.10.00
10	Các axit amin tổng hợp:	
	- L-Lysine	2922.41.00
	- DL- Methionine	2930.40.00
	- Threonine (L-Threonine...)	2922.50.90
	- Các axit amin tổng hợp khác	2922.50
11	Dầu, mỡ:	1501/1502/1503/1504/1505/1506/1507/1508/
	- Dầu thực vật	1509/1510/1511/1512/1513/1514/1515/1516/
	- Dầu cá	1517/1518/0209
	- Mỡ	

09593685

Số TT	Tên nguyên liệu	Mã số HS
12	Các loại vitamin đơn dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi:	
	- Vitamin A	2936.21.00
	- Vitamin E	2936.28.00
	- Vitamin D ₃	2936.29.00
	- Các loại Vitamin đơn khác	2936.29.00; 2936.90.00
13	Cỏ Alfalfa dạng thô (Alfalfa hay) và dạng nén (Alfalfa pellets)	1214.90.00
14	Phụ phẩm công nghệ chế biến các loại ngũ cốc DDGS (Distillers Dried Grains Solubles)	2303.30.00
15	Vỏ đậu tương ép (Soyabean hulls palett)	2302.50.00
16	Corn Gluten Meal (Bột Gluten ngô)	2303.10.90
17	Monocanxiphotphat	2835.26.00
18	Dicanxiphotphat	2835.25.00
19	Whey	0404.10.91
20	Lactose	1702.11
21	Thức ăn cho chó, cho mèo	2309.10.10; 2309.10.90;
22	Thức ăn hoàn chỉnh cho lợn	2309.90.12
23	Thức ăn hoàn chỉnh cho gia cầm	2309.90.11
24	Loại khác	2309.90.13; 2309.90.20; 2309.90.30; 2309.90.90

09593685

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 02B TC-NN

**THÔNG TIN VỀ THỨC ĂN CHĂN NUÔI, NGUYÊN LIỆU
THỨC ĂN CHĂN NUÔI XUẤT KHẨU**
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

Nội dung thông tin cho từng mặt hàng

Mặt hàng xuất khẩu:.....

Mã số HS:.....

STT	Đơn vị xuất khẩu	Ngày xuất khẩu	Cửa khẩu xuất	Nước nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Trị giá
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Gồm các mặt hàng sau:

Số TT	Tên nguyên liệu	Mã số HS
1	Ngô	1005.90; 1103.13.00; 1104.19.10
2	Sắn khô	0714.10
3	Cám gạo các loại	2302.20.00
4	Nguyên liệu có nguồn gốc thủy sản:	2301.20.00; 0508.00.90; 2301.20.00; 2301.20.00
5	Thức ăn hoàn chỉnh cho lợn	2309.90.12
6	Thức ăn hoàn chỉnh cho gia cầm	2309.90.11

Số TT	Tên nguyên liệu	Mã số HS
7	Thức ăn loại khác	2309.90.13; 2309.90.20; 2309.90.30; 2309.90.90
8	Thịt lợn tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh	0203; 02031100; 02031200; 02031900; 02032100; 02032200; 02032900
9	Thịt trâu bò tươi hoặc ướp lạnh	0201; 02011000; 02012000; 02013000;
10	Thịt trâu bò đông lạnh	0202; 02021000; 02022000; 02023000;
11	Thịt cừu hoặc thịt dê tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh	0204; 02041000; 02042100; 02042200; 02042300; 02043000; 02044100; 02044200; 02044300; 02045000
12	Thịt ngựa, lừa, la tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh	02050000
13	Phụ phẩm ăn được sau khi giết mổ gia súc	0206; 02061000; 02062100; 02062200; 02062900; 02063000; 02064100; 02064900; 02068000; 02069000
14	Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm	Toàn bộ nhóm 0207
15	Mỡ lợn, mỡ gia cầm	02090000
16	Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ, muối, ngâm nước muối, sấy khô, hun khói, bột mịn	0210; 02101100; 02101200; 021019; 02101910; 02101920; 02101990; 02102000; 02109100; 02109200; 02109300; 021099; 02109910; 02109920; 02109990

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 02C TC-NN

THÔNG TIN GIỐNG VẬT NUÔI NHẬP KHẨU*(Từ tháng..... đến.....)*

Kính gửi:.....

Mặt hàng nhập khẩu: Ngựa, lừa, la sổng**Mã số HS: Nhóm 0101**

STT	Đơn vị nhập khẩu	Ngày nhập khẩu	Cửa khẩu nhập	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Trị giá
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Gồm các mặt hàng sau:

Số TT	Tên giống vật nuôi	Mã số HS
1	Ngựa, lừa, la sổng	Toàn bộ nhóm 0101
2	Trâu, bò sổng	Toàn bộ nhóm 0102
3	Lợn sổng	Toàn bộ nhóm 0103
4	Cừu, dê sổng	Toàn bộ nhóm 0104
5	Gia cầm sổng	Toàn bộ nhóm 0105

Người lập*Ngày..... tháng..... năm.....***Thủ trưởng đơn vị**

Đơn vị:.....

Phụ lục 03A TC-NN

THÔNG TIN VỀ THUỐC BVTV NHẬP KHẨU*(Từ tháng..... đến.....)*

Kính gửi:.....

Mặt hàng nhập khẩu: thuốc trừ sâu

Mã số HS: từ số..... đến số.....

STT	Đơn vị nhập khẩu	Tên hàng (nguyên liệu, thành phẩm)	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Trị giá
1	2	3	4	5	6	7	8

Gồm những mặt hàng sau:

- Thuốc trừ sâu
- Thuốc trừ bệnh
- Thuốc trừ cỏ
- Thuốc trừ chuột
- Thuốc điều hòa sinh trưởng
- Chất dẫn dụ côn trùng
- Thuốc trừ ốc
- Chất hỗ trợ (chất trái)
- Thuốc trừ mối
- Thuốc bảo quản lâm sản
- Thuốc khử trùng kho

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 03B TC-NN

MẶT HÀNG NHẬP KHẨU: THUỐC METHYL BROMIDE
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

Mã số HS: 38084099

STT	Đơn vị nhập khẩu	Lượng Methyl Bromide nhập khẩu		Nhập khẩu từ nước	Ngày nhập khẩu	Giấy phép NK số	Ghi chú
		ĐVT	Số lượng				
1	2	3	4	5	6	7	8

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....
Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 03C TC-NN

THÔNG TIN VỀ THUỐC BVTV XUẤT KHẨU
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

Mặt hàng xuất khẩu: thuốc BVTV

Mã số HS: từ số..... đến số.....

STT	Đơn vị xuất khẩu	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Trị giá
1	2	3	4	5	6	7

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....
Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 03D TC-NN

**THÔNG TIN THUỐC BVTV HẠN CHẾ SỬ DỤNG
NHẬP KHẨU THEO GIẤY PHÉP**

(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Đơn vị nhập khẩu	Địa chỉ	Số giấy phép NK	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Thời gian NK	Cửa khẩu nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 03E TC-NN

**THÔNG TIN THUỐC BVTV CHƯA CÓ TRONG DANH MỤC THUỐC
BVTV ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM
NHẬP KHẨU THEO GIẤY PHÉP**

(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Đơn vị nhập khẩu	Địa chỉ	Số giấy phép NK	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Thời gian NK	Cửa khẩu nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 03F TC-NN

THÔNG TIN THUỐC BVTV TÁI XUẤT
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Đơn vị xuất khẩu	Địa chỉ	Số giấy phép XK	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Thời gian XK	Cửa khẩu xuất

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 03G TC-NN

THÔNG TIN THỰC VẬT NHẬP KHẨU
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên hàng	Mã số HS	DVT	Số lượng	Xuất xứ	Hình thức (NK, quá cảnh, chuyển khẩu,...)
1	2	3	4	5	6	7

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 03H TC-NN

THÔNG TIN THỰC VẬT XUẤT KHẨU
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên hàng	Mã số HS	ĐVT	Số lượng	Nước nhập khẩu	Hình thức (XK, quá cảnh, chuyển khẩu,...) XK
1	2	3	4	5	6	7

Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 03I TC-NN

THÔNG TIN THỰC VẬT VÀ SẢN PHẨM THỰC VẬT NHẬP KHẨU
THEO GIẤY PHÉP
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Đơn vị nhập khẩu	Địa chỉ	Số giấy phép NK	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Thời gian NK	Cửa khẩu nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 04A TC-NN

THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM LÂM NGHIỆP NHẬP KHẨU
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên mặt hàng	Mã HS	ĐVT	Khối lượng	Giá trị	Cửa nhập khẩu	Xuất xứ	Ghi chú
1		Từ 4401...						
2		...						
...		đến 4421						
..		9403						

Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 04B TC-NN

THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM LÂM NGHIỆP XUẤT KHẨU
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên mặt hàng	Mã HS	ĐVT	Khối lượng	Giá trị	Cửa khẩu xuất	Xuất xứ	Ghi chú
1		Từ 4401...						
2		...						
...		đến 4421						
..		9403						

Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 04C TC-NN

ĐỘNG VẬT HOANG DÃ VÀ GÂY NUÔI NHẬP KHẨU*(Từ tháng..... đến.....)*

Kính gửi:.....

Mặt hàng:.....

STT	Đơn vị nhập khẩu	Ngày nhập khẩu	Cửa nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Nguồn gốc	Trị giá
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 04D TC-NN

ĐỘNG VẬT HOANG DÃ VÀ GÂY NUÔI XUẤT KHẨU*(Từ tháng..... đến.....)*

Kính gửi:.....

Tên mặt hàng:.....

STT	Đơn vị xuất khẩu	Ngày xuất khẩu	Cửa khẩu xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Nguồn gốc	Trị giá
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 04E TC-NN

CÁC SẢN PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN VÀ MUỐI NHẬP KHẨU
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

Nội dung thông tin cho từng mặt hàng

Mặt hàng nhập khẩu:

Mã số HS:

STT	Đơn vị nhập khẩu	Ngày nhập khẩu	Cửa khẩu nhập	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Xuất xứ	Trị giá
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Gồm các mặt hàng sau:

Số TT	Mặt hàng	Mã số HS
1	Đường	Toàn bộ nhóm 1701, 1702
2	Muối	Toàn bộ nhóm 2501
3	Thủy sản	Toàn bộ nhóm 0301; 0302; 0303; 0304; 0305; 0306; 0307; 1603; 1604
4	Sữa, trứng	Toàn bộ nhóm 0401 đến 0408
5	Quả, và quả hạch ăn được (Điều)	Toàn bộ nhóm 0801 đến 0814
6	Rau quả	Toàn bộ nhóm 0701 đến 0714; 0801 đến 0809; 2001 đến 2009
7	Cà phê, chè, hạt tiêu;....	Toàn bộ nhóm 0901 đến 0909
8	Gạo	Toàn bộ nhóm 1006
9	Cao su	Toàn bộ nhóm 4001 đến 4005
10	Lâm sản	Toàn bộ nhóm 4401 đến 4421

Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 04G TC-NN

CÁC SẢN PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN VÀ MUỐI XUẤT KHẨU
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

Nội dung thông tin cho từng mặt hàng

Mặt hàng xuất khẩu:

Mã số HS:

STT	Đơn vị xuất khẩu	Ngày xuất khẩu	Cửa khẩu xuất	Nước nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Xuất xứ	Trị giá
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Gồm các mặt hàng sau:

Số TT	Mặt hàng	Mã số HS
1	Đường	Toàn bộ nhóm 1701, 1702
2	Muối	Toàn bộ nhóm 2501
3	Thủy sản	Toàn bộ nhóm 0301; 0302; 0303; 0304; 0305; 0306; 0307; 1603; 1604
4	Sữa, trứng	Toàn bộ nhóm 0401 đến 0408
5	Quả, và quả hạch ăn được (Điều)	Toàn bộ nhóm 0801 đến 0814
6	Rau quả	Toàn bộ nhóm 0701 đến 0714; 0801 đến 0809; 2001 đến 2009
7	Cà phê, chè, hạt tiêu;....	Toàn bộ nhóm 0901 đến 0909
8	Gạo	Toàn bộ nhóm 1006
9	Cao su	Toàn bộ nhóm 4001 đến 4005
10	Lâm sản	Toàn bộ nhóm 4401 đến 4421

Ngày..... tháng..... năm.....

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 05A TC-NN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP NHẬP KHẨU HÀNG THỰC VẬT
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Đơn vị nhập khẩu	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Mục đích sử dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 05B TC-NN

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU HÀNG THỰC VẬT
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Đơn vị xuất khẩu	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 05C TC-NN

**THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP
NHẬP KHẨU SẢN PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN**
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên doanh nghiệp nhập khẩu	Địa chỉ	Điện thoại, Fax (nếu có)	Khối lượng	Ngày mở tờ khai	Nước nhập khẩu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8

Gồm các mặt hàng sau:

Số TT	Mặt hàng	Mã số HS
1	Đường	Toàn bộ nhóm 1701, 1702
2	Muối	Toàn bộ nhóm 2501
3	Thủy sản	Toàn bộ nhóm 0301; 0302; 0303; 0304; 0305; 0306; 0307; 1603; 1604
4	Sữa, trứng	Toàn bộ nhóm 0401 đến 0408
5	Quả, và quả hạch ăn được (Điều)	Toàn bộ nhóm 0801 đến 0814
6	Rau quả	Toàn bộ nhóm 0701 đến 0714; 0801 đến 0809; 2001 đến 2009
7	Cà phê, chè, hạt tiêu;...	Toàn bộ nhóm 0901 đến 0909
8	Gạo	Toàn bộ nhóm 1006
9	Cao su	Toàn bộ nhóm 4001 đến 4005
10	Lâm sản	Toàn bộ nhóm 4401 đến 4421

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 05D TC-NN

**THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP
XUẤT KHẨU SẢN PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN**
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên doanh nghiệp sản xuất chế biến	Địa chỉ	Điện thoại, Fax (nếu có)	Tên hàng	Khối lượng	Ngày tháng năm xuất khẩu	Nước xuất khẩu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Ngày..... tháng..... năm.....

Gồm các mặt hàng sau:

Số TT	Mặt hàng	Mã số HS
1	Đường	Toàn bộ nhóm 1701, 1702
2	Muối	Toàn bộ nhóm 2501
3	Thủy sản	Toàn bộ nhóm 0301; 0302; 0303; 0304; 0305; 0306; 0307; 1603; 1604
4	Sữa, trứng	Toàn bộ nhóm 0401 đến 0408
5	Quả, và quả hạch ăn được (Điều)	Toàn bộ nhóm 0801 đến 0814
6	Rau quả	Toàn bộ nhóm 0701 đến 0714; 0801 đến 0809; 2001 đến 2009
7	Cà phê, chè, hạt tiêu;....	Toàn bộ nhóm 0901 đến 0909
8	Gạo	Toàn bộ nhóm 1006
9	Cao su	Toàn bộ nhóm 4001 đến 4005
10	Lâm sản	Toàn bộ nhóm 4401 đến 4421

09598685

Đơn vị:.....

Phụ lục 01 NN-TC

GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

Tên hàng:.....

Mã HS:.....

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Điện thoại/Fax	Số giấy Phép/Ngày cấp	Số lượng	Thời gian nhập	Cửa khẩu XNK
1	2	3	4	5	6	7	8

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

09598665

Đơn vị:.....

Phụ lục 02 NN-TC

GIẤY PHÉP XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU PHÂN BÓN
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

Tên hàng:.....

Mã HS:.....

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Điện thoại/Fax	Số giấy phép/Ngày cấp	Số lượng	Thời gian nhập	Cửa khẩu XNK
1	2	3	4	5	6	7	8

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 03 NN-TC

**CÔNG VĂN CHO NHẬP KHẨU THỨC ĂN CHĂN NUÔI,
NGUYÊN LIỆU THỨC ĂN CHĂN NUÔI CHƯA CÓ TRONG DANH MỤC**
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên đơn vị	Tên mặt hàng	Số đăng ký nhập khẩu	Số lượng	Bản chất công dụng	Dạng và quy cách bao gói	Hãng, nước sản xuất
1	2	3	4	5	6	7	8

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

09598685

Đơn vị:.....

Phụ lục 04 NN-TC

CÔNG VĂN CHO NHẬP KHẨU GIỐNG VẬT NUÔI
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên đơn vị	Tên mặt hàng	Nguồn gốc	Số lượng	Thời hạn nhập khẩu	Cảng nhập khẩu
1	2	3	4	5	6	7

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 05A NN-TC

GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THUỐC BVTV HẠN CHẾ SỬ DỤNG
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Đơn vị NK	Số, ngày cấp giấy phép	Thời hạn giấy phép	Tên hàng (nguyên liệu, thành phẩm)	Số lượng/ ĐVT	Mục đích nhập	Xuất xứ	Địa điểm nhập khẩu
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

09598685

Đơn vị:.....

Phụ lục 05B NN-TC

**GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU THUỐC BVTV CHƯA CÓ TRONG DANH MỤC
THUỐC BVTV ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM**

(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Đơn vị NK	Số, ngày cấp giấy phép	Thời hạn giấy phép	Tên hàng (nguyên liệu, thành phẩm)	Số lượng/ ĐVT	Mục đích nhập	Xuất xứ	Địa điểm nhập khẩu
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....
Thủ trưởng đơn vị

09598685

Đơn vị:.....

Phụ lục 05C NN-TC

**DANH SÁCH DOANH NGHIỆP ĐƯỢC PHÉP CHẾ BIẾN THỦY SẢN
XUẤT KHẨU SANG MỘT SỐ THỊ TRƯỜNG**

(Từ ngày..... đến ngày.....)

TT	Tỉnh	Tên doanh nghiệp	Mã số doanh nghiệp	Địa chỉ	Điện thoại/ Fax (nếu có)	Được phép chế biến thủy sản xuất khẩu sang một số thị trường (*)			
						Thị trường 1	Thị trường 2	Thị trường 3	...
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

(*): Các thị trường có thể thay đổi theo quy định của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu.

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 06A NN-TC

**SẢN PHẨM LÂM NGHIỆP NHẬP KHẨU CÓ GIẤY PHÉP
THUỘC DANH MỤC CITES, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2006/NĐ-CP
(Từ tháng..... đến.....)**

Kính gửi:.....

STT	Tên đơn vị	Tên mặt hàng	Mã HS	Số giấy phép/ ngày tháng, năm	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị	Cửa khẩu nhập	Xuất xứ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

09598685

Đơn vị:.....

Phụ lục 06B NN-TC

**SẢN PHẨM LÂM NGHIỆP XUẤT KHẨU CÓ GIẤY PHÉP
THUỘC DANH MỤC CITES, NGHỊ ĐỊNH SỐ 32/2006/NĐ-CP
(Từ tháng..... đến.....)**

Kính gửi:.....

STT	Tên đơn vị	Tên mặt hàng	Mã HS	Số giấy phép/ ngày tháng, năm	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá trị	Cửa khẩu xuất	Xuất xứ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

09598685

Đơn vị:.....

Phụ lục 07A NN-TC

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN XNK BỊ XỬ LÝ VI PHẠM
TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH, KDTV**
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên TC, CN vi phạm	Tên mặt hàng	Hình thức XNK (XK, NK, quá cảnh...)	Quyết định xử lý (Số, ngày)	Hình thức xử lý
1	2	3	4	5	6

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

09598685

Đơn vị:.....

Phụ lục 07B NN-TC

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN XNK BỊ XỬ LÝ VI PHẠM
TRONG LĨNH VỰC THÚ Y**
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên TC, CN vi phạm	Tên mặt hàng	Hình thức XNK (XK, NK, quá cảnh...)	Quyết định xử lý (Số, ngày)	Hình thức xử lý
1	2	3	4	5	6

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 07C NN-TC

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VI PHẠM TRONG XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT HOANG DÃ**
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên TC, CN vi phạm	Tên mặt hàng	Hình thức XNK (XK, NK, quá cảnh...)	Quyết định xử lý (Số, ngày)	Hình thức xử lý
1	2	3	4	5	6

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

09598685

THÔNG TIN THUỐC CÓ SỐ ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU

(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thuốc	Nồng độ hoặc hàm lượng	Tên hoạt chất	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Tên nước sản xuất	Tên cơ sở nhập khẩu	Tên cơ sở nhập khẩu ủy thác (nếu có)	Tên nước xuất khẩu	Số đăng ký	Đơn vị tính	Mã HS	Số lượng (thực nhập)	Giá nhập khẩu	Loại giá nhập khẩu (CIF, FOB...)	Tổng giá trị nhập	Ngày nhập khẩu	Cửa khẩu nhập	Phương thức vận chuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú: các thông tin tại cột 3, 4 và 5 các đơn vị đầu mối sẽ thống nhất cung cấp khi có thông tin từ người khai Hải quan.

Đơn vị:.....

Phụ lục 01B TC-YT

THÔNG TIN THUỐC CHƯA CÓ SỐ ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU

(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thuốc	Nồng độ hoặc hàm lượng	Tên hoạt chất	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Tên nước sản xuất	Tên cơ sở nhập khẩu	Tên cơ sở NK ủy thác (nếu có)	Tên nước xuất khẩu	GPNK (Số, ngày)	Đơn vị tính	Mã HS	Số lượng (thực nhập)	Giá nhập khẩu	Loại giá nhập khẩu (CIF, FOB...)	Tổng giá trị nhập	Ngày nhập khẩu	Cửa khẩu nhập	Phương thức vận chuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú: các thông tin tại cột 3, 4 và 5 các đơn vị đầu môi sẽ thống nhất cung cấp khi có thông tin từ người khai Hải quan.

**THÔNG TIN THUỐC NHẬP KHẨU KHẨN CẤP CHO NHU CẦU
PHÒNG CHỐNG DỊCH, THIÊN TAI**

(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thuốc	Nồng độ hoặc hàm lượng	Tên hoạt chất	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Tên nước sản xuất	Tên cơ sở nhập khẩu	Tên cơ sở NK ủy thác (nếu có)	Tên nước xuất khẩu	GPNK (Số, ngày)	Đơn vị tính	Mã HS	Số lượng (thực nhập)	Giá nhập khẩu	Loại giá nhập khẩu (CIF, FOB...)	Tổng giá trị nhập	Ngày nhập khẩu	Cửa khẩu nhập	Phương thức vận chuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú: các thông tin tại cột 3, 4 và 5 các đơn vị đầu mối sẽ thống nhất cung cấp khi có thông tin từ người khai Hải quan.

THÔNG TIN THUỐC NHẬP KHẨU
PHỤC VỤ CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thuốc	Nồng độ hoặc hàm lượng	Tên hoạt chất	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Tên nước sản xuất	Tên cơ sở nhập khẩu	Tên cơ sở NK ủy thác (nếu có)	Tên nước xuất khẩu	GPNK (Số, ngày)	Đơn vị tính	Mã HS	Số lượng (thực nhập)	Giá nhập khẩu	Loại giá nhập khẩu (CIF, FOB...)	Tổng giá trị nhập	Ngày nhập khẩu	Cửa khẩu nhập	Phương thức vận chuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú: các thông tin tại cột 3, 4 và 5 các đơn vị đầu mối sẽ thống nhất cung cấp khi có thông tin từ người khai Hải quan.

THÔNG TIN THUỐC NHẬP KHẨU VIỆN TRỢ VÀ VIỆN TRỢ NHÂN ĐẠO

(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thuốc	Nồng độ hoặc hàm lượng	Tên hoạt chất	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Tên nước sản xuất	Tên cơ sở nhập khẩu	Tên cơ sở ủy thác (nếu có)	Tên nước xuất khẩu	GPNK (Số, ngày)	Đơn vị tính	Mã HS	Số lượng (thực nhập)	Giá nhập khẩu	Loại giá nhập khẩu (CIF/FOB..)	Tổng giá trị nhập	Ngày nhập khẩu	Cửa khẩu nhập	Phương thức vận chuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú: các thông tin tại cột 3, 4 và 5 các đơn vị đầu mối sẽ thống nhất cung cấp khi có thông tin thu thập từ người khai Hải quan.

THÔNG TIN THUỐC GIẢ NHẬP KHẨU

(do Cơ quan Hải quan cung cấp)

(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thuốc	Nồng độ hoặc hàm lượng	Tên hoạt chất	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Tên nước sản xuất	Tên cơ sở nhập khẩu	Tên cơ sở nhập khẩu ủy thác (nếu có)	Số đăng ký hoặc GPNK (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá nhập khẩu	Loại giá nhập khẩu (CIF, FOB...)	Tổng giá trị nhập	Ngày nhập khẩu	Dấu hiệu nhận biết giá	Cửa khẩu	Phương thức vận chuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

THÔNG TIN THUỐC KHÔNG RÕ NGUỒN GỐC NHẬP KHẨU
(do Cơ quan Hải quan cung cấp)
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thuốc	Nồng độ hoặc hàm lượng	Tên hoạt chất	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất (nếu có)	Tên nước sản xuất (nếu có)	Tên cơ sở nhập khẩu	Tên cơ sở nhập khẩu ủy thác (nếu có)	Số đăng ký/giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng (thực nhập)	Giá nhập khẩu	Loại giá nhập khẩu (CIF, FOB...)	Tổng giá trị nhập	Dấu hiệu nhận biết	Ngày nhập khẩu	Cửu khẩu	Phương thức vận chuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

THÔNG TIN THUỐC KHÔNG ĐẠT CHẤT LƯỢNG NHẬP KHẨU
(do Cơ quan Hải quan cung cấp)
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thuốc	Nồng độ hoặc hàm lượng	Tên hoạt chất	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Tên nước sản xuất	Tên cơ sở nhập khẩu	Tên cơ sở nhập khẩu ủy thác (nếu có)	Số đăng ký/ Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng (thực nhập)	Giá nhập khẩu	Loại giá nhập khẩu (CIF, FOB...)	Tổng giá trị nhập	Ngày nhập khẩu	Dấu hiệu nhận biết không đạt chất lượng (nếu có)	Cửa khẩu	Phương thức vận chuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

THÔNG TIN THUỐC XUẤT KHẨU
(không bao gồm thuốc gây nghiện, hướng tâm thần)
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thuốc	Nồng độ hoặc hàm lượng	Tên hoạt chất	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Tên nước sản xuất	Tên cơ sở xuất khẩu	Tên nước nhập khẩu	Số đăng ký/Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng (thực xuất)	Giá xuất khẩu	Tổng giá trị xuất khẩu	Ngày xuất khẩu	Cửa khẩu	Phương thức vận chuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú: các thông tin tại cột 3, 4 và 5 các đơn vị đầu mối sẽ thống nhất cung cấp khi có thông tin từ người khai Hải quan

Đơn vị:.....

Phụ lục 01L TC-YT

THÔNG TIN NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC NHẬP KHẨU
(CÓ SỐ ĐĂNG KÝ HOẶC CHƯA CÓ SỐ ĐĂNG KÝ)
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên nguyên liệu	Số đăng ký/giấy phép nhập khẩu	Ngày cấp	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Giá nhập khẩu	Loại giá nhập khẩu (CIF, FOB...)	Tổng giá trị nhập	Tên cơ sở nhập khẩu	Tên cơ sở nhập khẩu ủy thác (nếu có)	Nước xuất khẩu	Ngày xuất khẩu	Cửa khẩu	Phương thức vận chuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

THÔNG TIN BAO BÌ, TÁ DƯỢC LÀM THUỐC NHẬP KHẨU*(Từ tháng..... đến.....)*

Kính gửi:.....

STT	Tên bao bì, tá dược	Số đăng ký/giấy phép nhập khẩu	Ngày cấp	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Giá nhập khẩu	Loại giá nhập khẩu (CIF, FOB...)	Tổng giá trị nhập	Tên cơ sở nhập khẩu	Tên cơ sở nhập khẩu ủy thác (nếu có)	Nước xuất khẩu	Ngày nhập khẩu	Cửa khẩu	Phương thức vận chuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

THÔNG TIN THUỐC THÀNH PHẨM NHẬP KHẨU CÓ CHỨA CHẤT GÂY NGHIỆN HOẶC THUỐC HƯỚNG TÂM THẦN, TIỀN CHẤT DÙNG LÀM THUỐC

(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thuốc	Hàm lượng hoặc nồng độ	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Số Giấy phép nhập khẩu (GPNK)	Ngày cấp số GPNK	Số đăng ký (nếu có)	Ngày cấp SDK (nếu có)	Đơn vị tính nhỏ nhất	Số lượng	Giá nhập khẩu thực tế	Loại giá nhập khẩu (CIF, FOB...)	Tổng giá trị nhập	Tên cơ sở nhập khẩu	Cơ sở ủy thác nhập khẩu (nếu có)	Nước xuất khẩu	Ngày nhập khẩu	Cửa khẩu nhập	Phương thức vận chuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú: các thông tin tại cột 3, 4 các đơn vị đầu mối sẽ thống nhất cung cấp khi có thông tin từ người khai Hải quan.

**THÔNG TIN THUỐC THÀNH PHẨM XUẤT KHẨU CÓ CHỨA CHẤT GÂY NGHIỆN HOẶC THUỐC
HƯỚNG TÂM THẦN, TIỀN CHẤT DÙNG LÀM THUỐC**

(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thuốc	Nồng độ hoặc hàm lượng	Tên hoạt chất	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Tên nước sản xuất	Tên cơ sở xuất khẩu	Tên nước nhập khẩu	Số Giấy phép xuất khẩu	Số đăng ký (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng (thực xuất)	Giá xuất khẩu	Tổng giá trị xuất khẩu	Ngày xuất khẩu	Cửa khẩu	Phương thức vận chuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	10	11		14	16	17	18		19	20

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú: các thông tin tại cột 3, 4 và 5 các đơn vị đầu mối sẽ thống nhất cung cấp khi có thông tin từ người khai Hải quan.

Đơn vị:.....

Phụ lục 02C TC-YT

**THÔNG TIN NGUYÊN LIỆU THUỐC GÂY NGHIỆN HOẶC HƯỚNG TÂM THÂN,
TIỀN CHẤT DÙNG LÀM THUỐC NHẬP KHẨU**
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên nguyên liệu	Số đăng ký/giấy phép nhập khẩu	Ngày cấp	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Mã HS	Đơn vị tính	Số lượng	Giá nhập khẩu	Loại giá nhập khẩu (CIF, FOB...)	Tổng giá trị nhập	Tên cơ sở nhập khẩu	Tên cơ sở nhập khẩu ủy thác (nếu có)	Nước xuất khẩu	Ngày nhập khẩu	Cửa khẩu	Phương thức vận chuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....
Thủ trưởng đơn vị

**THÔNG TIN VỀ HÓA CHẤT, CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN
CÓ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH NHẬP KHẨU**
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thương mại	Tên đơn vị nhập khẩu	Tên nhà sản xuất, xuất xứ	Số lượng nhập khẩu	Quy cách đóng gói	Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành (số, ngày)	Mã HS
1	2	3	4	5	6	7	8

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....
Thủ trưởng đơn vị

**THÔNG TIN VỀ HÓA CHẤT, CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN
CHƯA CÓ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH NHẬP KHẨU**
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thương mại	Mã HS	Tên đơn vị nhập khẩu	Tên nhà sản xuất, xuất xứ	Số lượng nhập khẩu	Văn bản cho phép nhập khẩu (số, ngày)
1	2	3	4	5	6	7

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

THÔNG TIN MỸ PHẨM NHẬP KHẨU

(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên sản phẩm	Quy cách đóng gói	Phân loại mỹ phẩm	Số đăng ký hoặc Số phiếu tiếp nhận	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Tên cơ sở nhập khẩu	Đơn vị tính	Mã HS	Số lượng	Giá NK	Loại giá nhập khẩu (CIF, FOB...)	Tổng trị giá	Ngày nhập khẩu	Cửa khẩu	Hình thức vận chuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú:

- Phân loại mỹ phẩm được áp dụng theo quy định tại mục 2 Phụ lục 01 - MP của Quy chế quản lý mỹ phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 48/QĐ-BYT ngày 31/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Các thông tin tại cột 3 và 4, các đơn vị đầu mối sẽ thống nhất cung cấp khi có thông tin từ người khai Hải quan.

THÔNG TIN MỸ PHẨM XUẤT KHẨU

(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên sản phẩm	Quy cách đóng gói	Phân loại mỹ phẩm	Số đăng ký hoặc Số phiếu tiếp nhận	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Nước nhập khẩu	Đơn vị tính	Mã HS	Số lượng	Giá XK	Tổng trị giá	Ngày xuất khẩu	Cửa khẩu	Hình thức vận chuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú:

- Phân loại mỹ phẩm được áp dụng theo quy định tại mục 2 Phụ lục 01- MP của Quy chế quản lý mỹ phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 48/QĐ-BYT ngày 31/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
- Các thông tin tại cột 3 và 4, các đơn vị đầu mối sẽ thống nhất cung cấp khi có thông tin từ người khai Hải quan.

**THÔNG TIN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NHẬP KHẨU DƯỢC PHẨM, THIẾT BỊ Y TẾ, HÓA CHẤT,
CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN DÙNG TRONG GIA DỤNG, Y TẾ**

(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Cơ sở nhập khẩu	Tên tổ chức, cá nhân nhập khẩu	Địa chỉ	Điện thoại/ Fax	Số giấy phép nhập khẩu (nếu có)	Tên hàng	Số lượng, Khối lượng được nhập (kg)	Tổng giá trị	Ngày, tháng, năm nhập khẩu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 06A TC -YT

**DANH SÁCH TỔ CHỨC CÁ NHÂN NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU HÀNG HÓA THUỘC LĨNH VỰC
QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH CỦA BỘ Y TẾ BỊ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ HẢI QUAN**
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

Số TT	Tên Doanh nghiệp (Mã DN)	Loại hàng hóa	Nội dung vi phạm	Hình thức xử lý	Ngày vi phạm	Quyết định xử phạt (Số, ngày)
1	2	3	4	5	6	7

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 06B TC - YT

**DANH SÁCH TỔ CHỨC CÁ NHÂN NHẬP KHẨU, XUẤT KHẨU HÀNG HÓA THUỘC LĨNH VỰC
QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH CỦA BỘ Y TẾ BỊ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ THUẾ**
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên Doanh nghiệp (Mã DN)	Loại hàng hóa	Nội dung vi phạm	Hình thức xử lý	Ngày vi phạm	Quyết định xử phạt (Số, ngày)
1	2	3	4	5	6	7

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

THÔNG TIN DƯỢC LIỆU NHẬP KHẨU*(Từ tháng..... đến.....)*

Kính gửi:.....

STT	Tên dược liệu, hoặc thuốc	Tên khoa học (nếu có)	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị nhập khẩu	Đơn vị nhập khẩu ủy thác (nếu có)	Nước xuất khẩu	Số DK hoặc Giấy phép NK (Số, ngày)	Đơn vị tính	Số lượng	Giá nhập khẩu (CIF)	Tổng giá trị nhập	Ngày nhập khẩu	Cửa khẩu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

THÔNG TIN DƯỢC LIỆU XUẤT KHẨU*(Từ tháng..... đến.....)*

Kính gửi:.....

STT	Tên dược liệu, hoặc thuốc	Tên Khoa học (nếu có)	Tên cơ sở sản xuất	Tên cơ sở xuất khẩu	Tên nước nhập khẩu	Số đăng ký/Giấy phép nhập khẩu	Đơn vị tính	Số lượng XK	Giá xuất khẩu	Tổng giá trị xuất khẩu	Ngày xuất khẩu	Cửa khẩu	Phương thức vận chuyển
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

DANH MỤC THUỐC ĐÃ ĐƯỢC CẤP SỐ ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM*(Từ tháng..... đến.....)*

Kính gửi:.....

STT	Tên thuốc	Nồng độ hoặc hàm lượng	Tên hoạt chất	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ NSX	Nước sản xuất	Số đăng ký	Ngày hết hạn SDK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Ghi chú: Đối với các thuốc có từ 3 hoạt chất trở xuống, nội dung cột 3 yêu cầu ghi đầy đủ thông tin.

DANH MỤC THUỐC NHẬP KHẨU ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thuốc	Nồng độ hoặc hàm lượng	Tên hoạt chất	Quy cách đóng gói	Số lượng được cấp	Tên cơ sở sản xuất	Địa chỉ NSX	Nước sản xuất	Tên cơ sở nhập khẩu	Số GPNK, Ngày cấp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

**DANH MỤC THUỐC ĐÃ ĐƯỢC CẤP SỐ ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM KHI
XUẤT NHẬP KHẨU YÊU CẦU CÓ GIẤY PHÉP CỦA CỤC QUẢN LÝ DƯỢC**
(Thuốc thành phẩm có chứa hoạt chất gây nghiện, hướng tâm thần, tiền chất dạng đơn chất và phối hợp)
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất, nồng độ hoặc hàm lượng	Quy cách đóng gói	Số đăng ký, ngày cấp	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Ngày hết hạn SDK
1	2	3	4	5	6	7	8

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....
Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 01D YT- TC

70

**DANH MỤC THUỐC ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU KHẨN CẤP
CHO NHU CẦU PHÒNG CHỐNG DỊCH, THIÊN TAI**
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thuốc	Nồng độ hoặc hàm lượng	Tên hoạt chất	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Tên nước sản xuất	Số GPNK, Ngày cấp
1	2	3	4	5	6	7	9

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

DANH MỤC THUỐC NHẬP KHẨU VIỆN TRỢ VÀ VIỆN TRỢ NHÂN ĐẠO
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thuốc	Nồng độ hoặc hàm lượng	Tên hoạt chất	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Tên nước sản xuất	Số GPNK, Ngày cấp
1	2	3	4	5	6	7	9

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 01H YT-TC

DANH MỤC THUỐC NHẬP KHẨU KHÔNG RÕ NGUỒN GỐC
(do cơ quan Y tế phát hiện)
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thuốc	Nồng độ hoặc hàm lượng	Tên hoạt chất	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất (nếu có)	Nước sản xuất (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng phát hiện (nếu có)	Dấu hiệu nhận biết (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....
Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 011 Y-T-TC

74

DANH MỤC THUỐC NHẬP KHẨU KHÔNG ĐẠT CHẤT LƯỢNG
(do cơ quan Y tế phát hiện)
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thuốc	Nồng độ hoặc hàm lượng	Tên hoạt chất	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lô sản xuất	Số đăng ký hoặc GPNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 01K YT-TC

DANH MỤC THUỐC CẤM NHẬP KHẨU
THEO ĐƯỜNG PHI MẬU DỊCH
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên hoạt chất
1	2

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....
Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 01L YT-TC

76

DANH MỤC THUỐC BỊ RÚT SỔ ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thuốc	Nồng độ hoặc hàm lượng	Tên hoạt chất	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số đăng ký
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

DANH MỤC DƯỢC LIỆU KHÔNG RÕ NGUỒN GỐC
(do cơ quan Y tế phát hiện)
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên vị thuốc	Tên Khoa học vị thuốc	Tên khoa học của cây, con, khoáng vật làm thuốc	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất (nếu có)	Nước sản xuất (nếu có)	Đơn vị tính	Số lượng phát hiện (nếu có)	Dấu hiệu nhận biết (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....
Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 03A YT-TC

**THÔNG TIN VỀ HÓA CHẤT, CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN DÙNG TRONG LĨNH VỰC
GIA DỤNG VÀ Y TẾ CÓ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH**

(Từ tháng.... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thương mại	Hàm lượng hoạt chất	Dạng sản phẩm	Tên đơn vị được cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành	Tên nhà sản xuất, xuất xứ	Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành (số, ngày)	Thời hạn của giấy chứng nhận đăng ký lưu hành	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

**THÔNG TIN VỀ HÓA CHẤT, CHẾ PHẨM DIỆT CÔN TRÙNG, DIỆT KHUẨN DÙNG TRONG LĨNH VỰC
GIADỤNG VÀ Y TẾ CHƯA CÓ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH NHẬP KHẨU**

(Từ tháng.... đến.....)

Kính gửi:.....

STT	Tên thương mại	Hàm lượng hoạt chất	Dạng sản phẩm	Tên đơn vị nhập khẩu	Tên nhà sản xuất, xuất xứ	Số lượng nhập khẩu	Mục đích nhập khẩu	Văn bản cho phép nhập khẩu (số, ngày)	Thời hạn của văn bản cho phép nhập khẩu
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 04 YT-TC

**DANH SÁCH TỔ CHỨC CÁ NHÂN XUẤT NHẬP KHẨU THUỐC
BỊ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
QUẢN LÝ CỦA BỘ Y TẾ**
(Từ tháng..... đến.....)

Kính gửi:.....

Số TT	Tên doanh nghiệp (Mã DN)	Loại hàng hóa	Nội dung vi phạm	Hình thức xử lý	Ngày vi phạm	Quyết định xử phạt (Số, ngày)
1	2	3	4	5	6	7

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 05A YT-TC

**DANH SÁCH CƠ SỞ NHẬP KHẨU THUỐC VÀ
NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC**

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Điện thoại	Số giấy phép CNĐDKKDT	Hiệu lực của giấy phép (ngày/tháng/năm hết hạn)	Người đăng ký quản lý chuyên môn lĩnh vực kinh doanh
1	2	3	4	5	6	7

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

Đơn vị:.....

Phụ lục 05B YT-TC

DANH SÁCH CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ	Điện thoại	Số giấy phép CNĐDKKDT	Hiệu lực của giấy phép (ngày/tháng/năm hết hạn)	Người đăng ký quản lý chuyên môn lĩnh vực kinh doanh
1	2	3	4	5	6	7

Người lập*Ngày..... tháng..... năm.....***Thủ trưởng đơn vị**

Đơn vị:.....

Phụ lục 05C YT-TC

**DANH SÁCH DOANH NGHIỆP NƯỚC NGOÀI HOẠT ĐỘNG VỀ THUỐC,
NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC TẠI VIỆT NAM**

STT	Tên cơ sở	Tên Nước	Số giấy phép	Hiệu lực của giấy phép (ngày/tháng/năm hết hạn)
1	2	3	4	5

Người lập

Ngày..... tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị